

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2023/DS-ST**
Ngày: 25-8-2023
V/c “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chung;

Ông Đào Duy Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Hoàng Tuấn – Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My La – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1970; địa chỉ: Xóm Đ, thôn F, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn S, sinh năm: 1974, anh Phạm Quốc V, sinh năm: 1987; địa chỉ: đường P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Văn bản ủy quyền ngày 24/5/2023.

Bị đơn: Ông Bàn Văn S, sinh năm: 1966, bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1966, anh Bàn Văn S, sinh năm: 1992; cùng địa chỉ: Thôn A, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Ông S, anh V, bà T có mặt, ông S, anh S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đinh Văn S, anh Phạm Quốc V là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H trình bày thì: Bà H và ông S, bà T có quan hệ quen biết nhau. Trong quá trình quen biết, bà H có đầu tư phân bón cho gia đình ông S, bà T để ông S, bà T bón cho cây cà phê phục vụ kinh tế gia đình. Ngày 28/6/2018 bà H viết giấy mượn tiền theo đó, bà T, anh S có xác nhận còn nợ của bà H số tiền 65.627.000 đồng. Chữ viết trong giấy mượn tiền ghi ngày 28/6/2018 là chữ viết của bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị T, anh Bàn Văn S là người ký ghi họ tên tại mục người mượn tiền để xác nhận nợ. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay của số tiền 40.000.000 đồng là 15 ngày (trả nợ vào ngày 13/7/2018), thời hạn vay số tiền 25.627.000 đồng là 12 tháng (trả nợ vào ngày 28/6/2019). Mục đích vay của bị đơn là để sản xuất nông nghiệp phục vụ kinh tế gia đình.

Ngày 01/5/2019, ông S, bà T, anh S đã trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng và từ đó đến nay không trả số tiền còn lại.

Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bàn Văn S, bà Nguyễn Thị T, anh Bàn Văn S có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 119.472.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 45.627.000 đồng, tiền lãi trong hạn kể từ ngày 28/6/2018 đến ngày 13/7/2018 là 65.627.000 đồng x 20%/năm x 15 ngày = 546.000 đồng, lãi quá hạn của số tiền 65.627.000 đồng x 30%/năm x 09 tháng 17 ngày = 15.695.000 đồng, lãi quá hạn của số tiền 45.627.000 đồng tính từ ngày 02/5/2019 đến ngày 17/7/2023 là 45.627.000 đồng x 30%/tháng x 50 tháng 15 ngày = 57.604.000 đồng).

Đối với khoản nợ từ trước năm 2016 mà vợ chồng ông S, bà T vay của bà H thì khi các bên hòa giải tranh chấp việc vay tiền tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Di Linh đã giải quyết xong rồi nên không còn liên quan đến khoản nợ mà bà H khởi kiện ông S, bà T, anh S trong vụ án này.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vợ chồng bà có quen biết bà Nguyễn Thị H. Bà H có đầu tư phân bón cho gia đình bà để gia đình bà chăm sóc cây cà phê phục vụ kinh tế gia đình. Gia đình bà nợ bà H số tiền mua phân bón là 65.627.000 đồng nên đến ngày 28/6/2018 bà H viết giấy mượn tiền để xác nhận nợ. Bà thừa nhận vào ngày 28/6/2018, bà có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 65.627.000 đồng (trong đó số tiền vay 40.000.000 đồng thời hạn vay trong hạn 15 ngày, số tiền vay 25.627.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng) kể từ ngày 28/6/2018. Chữ viết trong giấy vay tiền ghi ngày 28/6/2018 là của bà Nguyễn Thị H viết. Chữ ký, chữ viết tại mục người mượn tiền là chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị T và là chữ ký, chữ viết của con bà là anh Bàn Văn S và mẹ con bà có ký, ghi họ tên tại

phần “*Ghi thêm: Bổ sung*”. Khi bà ký giấy mượn tiền nói trên thì con bà là anh S có đọc lại nội dung giấy mượn tiền ghi ngày 28/6/2018 nói trên cho bà nghe.

Ngày 01/5/2019, bà trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 15/8/2019 bà trả cho bà H số tiền 21.000.000 đồng và bà H lấy một thùng bia sài gòn trị giá 250.000 đồng; tổng cộng bà đã trả cho bà H số tiền 41.250.000 đồng, khi trả bà H có viết giấy nhận tiền cho bà. Giấy nhận tiền mà bà H ký nhận tiền của bà, bà đã làm thất lạc, bà đã tìm nhưng không thấy nên không cung cấp cho Tòa án được.

Nay bà chỉ thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền còn lại là 24.377.000 đồng là tiền lãi mà bà H tính vào số tiền gốc mà bà vay của bà H nhưng bà không có chứng cứ chứng minh.

Khi viết giấy mượn tiền ghi ngày 28/6/2018 thì các khoản nợ trước đó giữa bà và bà H đã được giải quyết xong hết, không còn nợ gì nhau nữa.

Nay bà Nguyễn Thị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà và anh Bàn Văn Scó trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền là 119.472.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 45.627.000 đồng, tiền lãi trong hạn kể từ ngày 28/6/2018 đến ngày 13/7/2018 là 65.627.000 đồng x 20%/năm x 15 ngày = 546.000 đồng, lãi quá hạn của số tiền 65.627.000 đồng x 30%/năm x 09 tháng 17 ngày = 15.695.000 đồng, lãi quá hạn của số tiền 45.627.000 đồng tính từ ngày 02/5/2019 đến ngày 17/7/2023 là 45.627.000 đồng x 30%/tháng x 50 tháng 15 ngày = 57.604.000) đồng thì gia đình bà không đồng ý vì gia đình bà đã trả hết nợ gốc cho bà H rồi. Đối với số tiền 24.377.000 đồng là tiền lãi mà bà H tính vào số tiền gốc thì bà xin bà H không trả nữa. Nếu bà H vẫn yêu cầu trả số tiền 24.377.000 đồng thì gia đình bà đồng ý trả số tiền này cho bà H.

Chồng bà là ông S, con bà là anh S có biết việc Tòa án triệu tập làm việc để giải quyết vụ án nhưng do ông S, anh S bận công việc nên không đến Tòa làm việc được.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông S, bà T, anh S có trách nhiệm liên đới trả số tiền 75.522.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 45.627.000 đồng, tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc là 65.627.000 đồng kể từ ngày 13/7/2018 đến ngày 30/4/2019 là 09 tháng 17 ngày với mức lãi suất 1%/tháng là 6.277.000 đồng; tiền lãi của số tiền nợ gốc 45.627.000 đồng tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/8/2023 là 51 tháng 24 ngày với mức lãi suất 1%/tháng là 23.618.000 đồng.

Bà T chỉ đồng ý trả số tiền lãi còn lại là 24.377.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H.

Ông S, anh S vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông S, anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng bị đơn là bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền 75.522.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 45.627.000 đồng và tiền lãi là 29.895.000 đồng).

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông S, bà T, anh S thanh toán nợ vay nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, bị đơn ông S, anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S, anh S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Bà H khởi kiện yêu cầu ông S, bà T, anh S có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 45.627.000 đồng thì thấy rằng: Tại giấy mượn tiền ghi ngày 28/6/2018 ông S, bà T, anh S vay của bà H số tiền 65.627.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn trả nợ số tiền 40.000.000 đồng là trong hạn 15 ngày kể từ ngày 28/6/2018 (trả nợ vào ngày 13/7/2018), thời hạn trả nợ số tiền 25.627.000 đồng vào ngày 28/6/2019. Đến ngày 01/5/2019, bà H và bà T đều xác nhận ông S, bà T, anh S đã trả cho bà H số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại là 45.627.000 đồng bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Bà T trình bày vào ngày 15/8/2019 đã trả cho bà H số tiền 21.000.000 đồng và bà H lấy một thùng bia sài gòn trị giá 250.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh,

không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền 21.250.000 đồng cho bà Hằng; bà H cũng không thừa nhận nên yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông S, bà T, anh S có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc còn lại là 45.627.000 đồng là cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả lãi của bà H thì thấy rằng: Giấy vay tiền ghi ngày 28/6/2018 hai bên thỏa thuận lãi suất vay của số tiền 40.000.000 đồng là 2%/tháng, lãi suất của số tiền vay 25.627.000 đồng là 1%/tháng. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lãi 1%/tháng tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc là 65.627.000 đồng kể từ ngày 13/7/2018 đến ngày 30/4/2019 là 09 tháng 17 ngày với mức lãi suất 1%/tháng là 6.277.000 đồng; tiền lãi của số tiền nợ gốc 45.627.000 đồng tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/8/2023) là 51 tháng 24 ngày với mức lãi suất 1%/tháng là 23.618.000 đồng. Yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu trả lãi này của nguyên đơn.

Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H; buộc ông S, bà T, anh S phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc là 45.627.000 đồng và 29.895.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi là 75.522.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông S, bà T, anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự tài sản*” đối với ông Bàn Văn S, bà Nguyễn Thị T, anh Bàn Văn S, xử:

1. Buộc ông Bàn Văn S, bà Nguyễn Thị T, anh Bàn Văn S có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 75.522.000 (*Bảy mươi lăm triệu năm trăm hai mươi hai nghìn*) đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 45.627.000 (*Bốn mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn*) đồng, tiền nợ lãi là 29.895.000 (*Hai mươi chín triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn*) đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi

thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông S, bà T, anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Bàn Văn S, bà Nguyễn Thị T, anh Bàn Văn S phải chịu 3.776.100 (*Ba triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.966.550 (*Hai triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0014070 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn; bị đơn bà T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Riêng ông S, anh S vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (*Mười lăm*) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

Đoàn Văn Chiến